

Bản án số: 15/2023/HC-ST

Ngày: 28-02-2023

V/v “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Công Sế

Ông Nguyễn Ngọc Cang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 240/2022/TLST- HC ngày 31-10-2022 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HC ngày 08-02-2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 1669 đường 30/4, phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 118 Ngô Quyền, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố V;

Địa chỉ: Số 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh P- Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960;

- Ông Nguyễn Trung M, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: địa chỉ: Số 1669 đường 30/4, phường 12, thành phố Vũng Tàu.

(Ông H, ông P cùng có mặt; các đương sự khác vắng mặt đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà Nguyễn Thị P là chủ sử dụng diện tích đất 3.151m² tại thôn 1, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông N vào năm 2008, thuộc thửa đất số 827, tờ bản đồ 16 diện tích 1.194m² đất nông nghiệp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AD 018233 do UBND thành phố Vũng Tàu ngày 18/11/2005 và thửa đất số 23, tờ bản đồ 16 diện tích 1.957m² (gồm 200m² đất ở và 1.757m² đất nông nghiệp) theo GCNQSD đất số AD 018234 do UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18/11/2005,.

Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 2600/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 2.675,8m² đất của bà P tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu để thực hiện dự án đường vào Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài (đoạn từ khu lọc dầu đến khu hóa dầu), xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

Ngày 30/6/2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 2887/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà P để thực hiện dự án nêu trên, với nội dung không hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 1,5 lần đất nông nghiệp do trực tiếp sản xuất nông nghiệp;

Không hỗ trợ 50% giá đất ở của diện tích bằng 05 lần hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vdo thửa đất nông nghiệp nằm trong ranh giới khu dân cư, thửa đất nông nghiệp tiếp giáp ranh giới khu dân cư.

Do đó, bà P làm đơn kiến nghị UBND thành phố V hỗ trợ bổ sung cho bà P 02 khoản hỗ trợ còn thiếu nêu trên.

Ngày 12/03/2018, UBND thành phố ban hành Văn bản số: 1222/UBND – PTQĐ về việc trả lời đơn kiến nghị với nội dung không chấp nhận toàn bộ nội dung kiến nghị. Không đồng ý với nội dung trả lời tại Văn bản số: 1222/UB-PTQĐ, bà P tiếp tục khiếu nại tới Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu.

Ngày 26/11/2020, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6005/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà P (Gọi tắt là *Quyết định số 6005*) về yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề 1,5 lần giá đất nông nghiệp và hỗ trợ 50% giá đất ở theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và giữ nguyên Văn bản số: 1222/UBND-PTQĐ ngày 12/3/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu.

Bà P tiếp tục khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến ngày 18/5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1308/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại cho bà Nguyễn Thị P, (Gọi tắt là *Quyết định số 1308*) (lần 2): Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của bà P “*Công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị P đối với yêu cầu hỗ trợ 50% giá đất ở theo theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ*”.

Ngày 20/6/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 9359/QĐ-UBND (gọi là *Quyết định số: 9359/QĐ-UBND*) về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông (bà) Nguyễn Thị P, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự

án: Đường vào khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài (đoạn từ khu lọc dầu đến khu hóa dầu) xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

Quyết định số: 9359 có nội dung theo hồ trợ 50% giá đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cụ thể:

- Giá đất ở: Vị trí 2, khu vực 2 xã Long Sơn là 492.000đồng/m², diện tích hồ trợ 996,7m² với số tiền là 492.000 đồng/m².

- Giá đất ở: Vị trí 3, khu vực 2 xã Long Sơn là 394.000đồng/m², diện tích hồ trợ 503,3m² với số tiền là 394.000 đồng/m².

Tổng số tiền hồ trợ bổ sung là: 334.338.300 đồng.

Tại Quyết định số: 9359, UBND thành phố Vũng Tàu phê duyệt hồ trợ 50% giá đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là không đúng quy định của pháp luật, Phải hồ trợ cho bà P theo giá đất quy định tại Bảng giá đất của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm chi trả tiền bổ sung mới quy định pháp luật.

Cơ sở pháp luật của yêu cầu khởi kiện:

Thứ nhất: Ngày 18/5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 1308 công nhận một phần khiếu nại của bà P đối với yêu cầu hồ trợ 50% giá đất ở theo theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật khiếu nại 2011, quy định:

“2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành...”.

Như vậy, Quyết định số: 1308/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/6/2021.

Tại Điều 4 Luật khiếu nại 2011, quy định về nguyên tắc khiếu nại: *“Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại pH được thực hiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.”*

Tại khoản 4 Điều 44 Luật khiếu nại 2011, quy định: *“4. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay.”*

Căn cứ khoản 1 Điều 46 Luật khiếu nại 2011, Điều 18 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ và các quy định pháp luật nêu trên thì Quyết định số: 1308 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/6/2021, pH được thi hành kịp thời, nghiêm chỉnh để đảm bảo quyền lợi cho bà P.

Tuy nhiên, đến ngày 20/6/2022 (tức 12 tháng sau khi có hiệu lực) Ủy ban nhân dân thành phố V mới ban hành quyết định phê duyệt hồ trợ bổ sung cho bà P và đến thời điểm khởi kiện (hơn 15 tháng) vẫn chưa chi trả tiền cho bà P là vi phạm các quy định của pháp luật.

Thứ hai: Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, quy định: *“1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. ...”*

Tại thời điểm thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất là tháng 6/2014 thì Nghị định: 197/2004/NĐ-CP và 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ đang có hiệu lực thi hành.

Tại điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định: 84/2007/NĐ-CP quy định:

“b) Trường hợp do chậm chi trả hoặc chậm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP;”.

Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định: 197/2004/NĐ-CP quy định:

“a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi;”

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên thì trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường, hỗ trợ theo giá đất tại thời điểm trả tiền.

Hiện nay, giá đất quy định tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu phê duyệt Quyết định số: 9359/QĐ-UBND, quy định:

- Giá đất ở: Vị trí 2, khu vực 2 xã Long Sơn là 1.430.000đồng/m².
- Giá đất ở: Vị trí 3, khu vực 2 xã Long Sơn là 1.100.000đồng/m².

Như vậy, giá đất quy định tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu đang có hiệu lực thi hành cao hơn giá đất quy định tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Vì vậy, UBND thành phố V áp dụng giá đất quy định tại Bảng giá đất của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm năm 2014 để phê duyệt hỗ trợ bổ sung cho bà P tại thời điểm tháng 6/2022 (có giá đất cao hơn) là vi phạm các quy định của pháp luật, làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên hủy Quyết định số: 9359/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông (bà) Nguyễn Thị P, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường vào khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài (đoạn từ khu lọc dầu đến khu hóa dầu) xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho bà P theo giá đất tại Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm chi trả tiền.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Sau khi xem nội dung khởi kiện, rà soát Quyết định số 9359/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND thành phố V và đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành. UBND Thành phố nhận thấy việc bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 9359 là không có căn cứ, vì UBND thành phố V đã thực hiện tính bổ sung cho bà P đối với yêu cầu của bà P là hỗ trợ 50% giá đất ở theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1308/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND Tỉnh.

Theo Văn bản số 941/CV-DAGT ngày 11/10/2022 của Ban Quản lý dự án chuyên ngành Giao thông, thì hiện nay dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm 2022 và chủ đầu tư đã báo cáo UBND Tỉnh đề nghị tạm ứng chi phí chi trả bà Nguyễn Thị P theo Quyết định số 9359 của UBND thành phố Vũng Tàu.

Sau khi có văn bản cho phép tạm ứng chi phí hỗ trợ bổ sung của UBND Tỉnh, thì UBND Thành phố sẽ tổ chức chi trả số tiền hỗ trợ theo Quyết định số 9359/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND Thành phố và số tiền chậm chi trả theo Điều 93 Luật đất đai 2013.

Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố V đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

[3] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Trung M trình bày:

Ông L và ông M đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P và không có yêu cầu trong vụ án.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung:

Ngày 20/6/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 9359 phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho bà P, có nội dung hỗ trợ 50% giá đất ở theo giá đất tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 và điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ thì trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường, hỗ trợ theo giá đất tại thời điểm trả tiền.

Giá đất quy định tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu có hiệu lực thi hành tại thời điểm UBND thành phố V phê duyệt tại Quyết định số 9359, cao hơn giá đất quy định tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vì vậy, UBND thành phố V áp dụng giá đất quy định tại Bảng giá đất của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào năm 2014 để phê duyệt hỗ trợ bổ sung cho bà P tại thời điểm tháng 6/2022 (có giá đất cao hơn) là không đúng điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ, nên yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, hủy Quyết định số 9359, buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung đối với diện tích đất thu hồi cho bà Nguyễn Thị P theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P không nộp. Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa; Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự là đúng.

[2] Đối tượng khởi kiện: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên hủy Quyết định số 9359/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông (bà) Nguyễn Thị P, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường vào khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài (đoạn từ khu lọc dầu đến khu hóa dầu) xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, (gọi tắt là *Quyết định số 9359*);

- Tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho bà P theo giá đất mới quy định tại Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm chi trả tiền.

Các yêu cầu trên là đối tượng khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xác định các đương sự: Trong vụ án Hành chính, Tòa án chỉ xem xét việc bà P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9359; Yêu cầu buộc UBND thành phố V bồi phê duyệt theo giá đất mới theo đúng pháp luật. Tòa án không giải quyết các tranh chấp khác trong vụ án hành chính; nên việc xác định các đương sự là đúng pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện của Tòa án: Ngày 03/10/2022 bà P nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định số 9359 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[5] Về cung cấp tài liệu, chứng cứ: Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án,

tiến hành đối thoại, công khai chứng cứ cho các đương sự; do đó việc cung cấp tài liệu, chứng cứ là đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự theo luật Tố tụng hành chính.

[6] Về trình tự, thẩm quyền ban hành quyết định: Quyết định số 9359 được ban hành đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[7] Về nội dung:

[7.1] Quá trình sử dụng, thu hồi, bồi thường đất:

Gia đình bà Nguyễn Thị P sử dụng diện tích đất khoảng 3.151m² thuộc thửa đất số 827, tờ bản đồ 16 diện tích 1.194m² đất nông nghiệp theo GCNQSD đất số AD 018233 do UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18/11/2005 và thửa đất số 23, tờ bản đồ 16 diện tích đất 1.957m² (gồm 200m² đất ở và 1.757m² đất nông nghiệp) theo GCNQSD đất số AD 018234 do UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18/11/2005, tọa lạc tại thôn 1, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu.

Ngày 27/6/2014, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 2600/QĐ-UBND thu hồi diện tích 2.675,8m² đất của bà P. Ngày 30/6/2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 2887/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà P để thực hiện dự án nêu trên, có nội dung không hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 1,5 lần đất nông nghiệp do trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Không hỗ trợ 50% giá đất ở của diện tích bằng 05 lần hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, bà P làm đơn kiến nghị UBND thành phố V hỗ trợ bổ sung cho bà P 02 khoản hỗ trợ còn thiếu nêu trên.

Ngày 26/11/2020, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 6005/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, có nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà P.

Bà P tiếp tục khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 18/5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 1308 giải quyết khiếu nại cho bà Nguyễn Thị P, (lần 2) có nội dung: Chấp nhận một phần nội dung khiếu nại của bà P *“Công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị P đối với yêu cầu hỗ trợ 50% giá đất ở theo theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ”*.

Ngày 20/6/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 9359 phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông (bà) Nguyễn Thị P, do Nhà nước thu hồi đất, có nội dung hỗ trợ 50% giá đất ở theo giá đất tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[7.2] Quyết định số 9359 phê duyệt hỗ trợ 50% giá đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là không phù hợp quy định của pháp luật, như sau:

[7.2.1] Ngày 18/5/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số: 1308 có nội dung công nhận một phần khiếu nại của bà P đối với yêu cầu hỗ trợ 50% giá đất ở theo theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Tại khoản 2 Điều 44 Luật khiếu nại 2011, quy định:

“2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành...”.

Như vậy, Quyết định số: 1308 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/6/2021.

Tại Điều 4 Luật khiếu nại 2011, quy định về nguyên tắc khiếu nại: *“Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại phải được thực hiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.”*

Tại khoản 4 Điều 44 Luật khiếu nại năm 2011, quy định: *“4. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay.”*

Tại khoản 1 Điều 46 Luật khiếu nại 2011, quy định: *“1. Người giải quyết khiếu nại trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan chức năng có biện pháp để bảo đảm việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; tổ chức thi hành hoặc chủ trì, phối hợp với tổ chức, cơ quan hữu quan thực hiện biện pháp nhằm khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại; kiến nghị cơ quan, tổ chức khác giải quyết những vấn đề liên quan đến việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại (nếu có).”*

Tại Điều 18 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại, quy định:

“Cơ quan được giao tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh...”

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên thì Quyết định số 1308 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/6/2021 phải được thi hành kịp thời, nghiêm chỉnh để đảm bảo quyền lợi cho bà P. Tuy nhiên, đến ngày 20/6/2022 (tức 12 tháng sau khi Quyết định số 1308 có hiệu lực) Ủy ban nhân dân thành phố V mới ban hành quyết định phê duyệt hỗ trợ bổ sung cho bà P và đến thời điểm khởi kiện (hơn 15 tháng) vẫn chưa chi trả tiền cho bà P là vi phạm các quy định nêu trên.

[7.2.2] Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, quy định: *“1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. ...”*

Tại thời điểm thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất là tháng 6/2014 thì Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ đang có hiệu lực thi hành.

Tại điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP quy định:

*“b) Trường hợp do **chậm chi trả** hoặc **chậm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ** được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP;”*

Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004 của Chính Phủ quy định:

*“a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi **thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền** bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại*

thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi;”.

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên thì trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường, hỗ trợ theo giá đất tại thời điểm trả tiền.

Giá đất quy định tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - V đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt tại Quyết định số 9359, quy định:

- Giá đất ở: Vị trí 2, khu vực 2 xã Long Sơn là 1.430.000đồng/m².

- Giá đất ở: Vị trí 3, khu vực 2 xã Long Sơn là 1.100.000đồng/m².

Như vậy, giá đất quy định tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số: 38/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đang có hiệu lực thi hành cao hơn giá đất quy định tại Bảng giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vì vậy, UBND thành phố V áp dụng giá đất quy định tại Bảng giá đất của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào năm 2014 để phê duyệt hỗ trợ bổ sung cho bà P tại thời điểm tháng 6/2022 (có giá đất cao hơn) là không đúng điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ, nên yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ chấp nhận.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị hủy Quyết định số 9359, buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho bà Nguyễn Thị P theo quy định pháp luật, là có cơ sở như phân tích và nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

[9] Từ các phân tích, nhận định trên và quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P hủy Quyết định số 9395; buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ ban hành quyết định hỗ trợ đối đất đã thu hồi để thực hiện dự án: Đường vào khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, cho bà Nguyễn Thị P theo đúng quy định pháp luật.

[10] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Hội đồng xét xử xem xét như trên.

[11] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì bà Nguyễn Thị P không phải nộp. Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Áp dụng: Điều 4, khoản 4 Điều 44, Khoản 1 Điều 46 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 18 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03-10-2012 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004 của Chính Phủ; Điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ.

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P:

- Hủy Quyết định số 9359/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho ông (bà) Nguyễn Thị P, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường vào khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài (đoạn từ khu lọc dầu đến khu hóa dầu) xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án hỗ trợ (bổ sung) cho bà Nguyễn Thị P đối với diện tích đất do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường vào khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài (đoạn từ khu lọc dầu đến khu hóa dầu) xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo đúng quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P không phải nộp. Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Thiện